

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BVG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2018**



MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	01 - 02
2	Báo cáo kiểm toán độc lập	03 - 04
3	Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>	05 - 06
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	07
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng</i>	08
	<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng</i>	09 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư BVG trình bày báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư BVG (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0100979011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/06/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 12/06/2017.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Thương mại và sản xuất.

Vốn điều lệ của Công ty: 97.509.480.000 đồng.

Các đơn vị thành viên của Công ty như sau:

Tên	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Địa chỉ
<i>Công ty con</i>			
Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt	100%	100%	Km 7, quốc lộ 18, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	98,69%	98,69%	Thôn Tô Hiệu, xã Đông Quang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông Trần Anh Vương	Chủ tịch	
Ông Vũ Hữu Trí	Thành viên	
Ông Đặng Đức Dũng	Thành viên	
Ông Lê Quốc Hùng	Thành viên	
Ông Vũ Hoàng Chương	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 25/04/2018)
Ông Lê Văn Cường	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 25/04/2018)

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc bao gồm:

Ông Lê Văn Cường	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 25/04/2018)
Ông Vũ Hoàng Chương	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 25/04/2018)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K - Chi nhánh Miền Bắc là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K - Chi nhánh Miền Bắc bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho Công ty trong những năm tiếp theo.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của

Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2019

Tổng Giám đốc





Trụ sở chính: Số 6, ngõ 92, phố Kim Giang, P. Kim Giang, Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội

VPGD: Phòng A1205, Tòa nhà Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, TP Hà Nội

Số : 2702/2019/BCKT - TC/BVG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính riêng năm 2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư BVG

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư BVG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư BVG, được lập ngày 27/02/2019, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong kỳ Công ty ghi nhận khoản thu nhập khác là chi phí lãi vay lũy kế của Ngân hàng PG Bank Chi nhánh Thăng Long theo Thông báo ngày 20/10/2017 của Ngân hàng PG Bank Chi nhánh Thăng Long, với điều kiện Công ty phải trả toàn bộ gốc vay PG Bank theo thông báo của ngân hàng. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, Công ty chưa trả hết gốc vay PG Bank Chi nhánh Thăng Long. Chúng tôi không đưa ra ý kiến về giá trị khoản thu nhập này cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề trên đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” nêu trên, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư BVG tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2019

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K - Chi nhánh Miền Bắc

Giám đốc

Kiểm toán viên



Vũ Kim Hồng

Nguyễn Thị Thu Huyền

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 3703-2016-045-1

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3708-2018-045-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 01 - DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		33.987.454.017	90.820.583.541
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		193.887.116	10.932.989
1. Tiền	111	V.01	193.887.116	10.932.989
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31.961.114.613	88.940.459.561
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	2.658.121.426	2.718.121.426
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		67.000.000	62.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	31.599.486.378	88.523.831.326
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.04	(2.363.493.191)	(2.363.493.191)
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	1.739.847.052	1.739.847.052
1. Hàng tồn kho	141		1.739.847.052	1.739.847.052
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		92.605.236	129.343.939
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		92.605.236	92.860.659
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	-	36.483.280
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		101.622.358.754	67.993.590.529
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	-	-
- Nguyên giá	222		222.467.818	1.583.950.824
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(222.467.818)	(1.583.950.824)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.107.571.984	1.107.571.984
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		892.364.252	892.364.252
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		215.207.732	215.207.732
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.07	100.502.874.270	66.877.956.045
1. Đầu tư vào công ty con	251		66.386.505.600	66.386.505.600
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		47.300.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.693.843.996	10.443.843.996
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(19.877.475.326)	(9.952.393.551)
V. Tài sản dài hạn khác	260		11.912.500	8.062.500
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		11.912.500	8.062.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		135.609.812.771	158.814.174.070

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 01 - DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		61.998.889.937	88.427.350.871
I. Nợ ngắn hạn	310		1.092.618.334	26.920.810.455
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.08	403.636.808	507.282.229
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.455.056	81.455.056
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.09	34.850.000	2.657.701.382
4. Phải trả người lao động	314		313.650.000	29.700.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	-	17.852.259.776
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	118.601.366	5.465.891.347
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	-	106.095.561
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		220.425.104	220.425.104
II. Nợ dài hạn	330		60.906.271.603	61.506.540.416
1. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	60.906.271.603	61.506.540.416
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		73.610.922.834	70.386.823.199
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	73.610.922.834	70.386.823.199
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		97.509.480.000	97.509.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		97.509.480.000	97.509.480.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	16.503.370.800
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.856.827.827	7.856.827.827
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		150.037.319	150.037.319
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(31.905.422.312)	(51.632.892.747)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(35.173.625.073)	(54.134.395.745)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.268.202.761	2.501.502.998
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		135.609.812.771	158.814.174.070

Lập, ngày 27 tháng 02 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thông



Nguyễn Thị Thông




Lê Văn Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

MẪU SỐ B 02 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.01	57.493.621	49.045.239
7. Chi phí tài chính	22	VI.02	12.731.278.326	(3.258.988.839)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		136.489.564	705.202.611
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.03	511.162.863	804.731.619
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(13.184.947.568)	2.503.302.459
{30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}				
11. Thu nhập khác	31	VI.05	18.743.168.867	-
12. Chi phí khác	32	VI.06	2.290.018.538	1.799.461
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		16.453.150.329	(1.799.461)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.268.202.761	2.501.502.998
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		3.268.202.761	2.501.502.998
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	0	335	836

Lập, ngày 27 tháng 02 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Nguyễn Thị Thông

Nguyễn Thị Thông

Lê Văn Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2018

Mẫu số B 03 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.268.202.761	2.501.502.998
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	-	2.840.888
- Các khoản dự phòng	03	9.925.081.775	(3.964.191.450)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	419.706.987	(47.470.000)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(57.493.621)	(1.575.239)
- Chi phí lãi vay	06	136.489.564	705.202.611
- Các khoản điều chỉnh khác	07		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	13.691.987.466	(803.690.192)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	13.466.083.651	3.489.636.540
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(24.360.613.554)	69.866.988
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(3.850.000)	30.550.004
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	(191.712.152)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	44.103.126	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.402.343.727)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	435.366.962	2.594.651.188
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	20.000.000	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	57.493.621	1.575.239
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	77.493.621	1.575.239
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	8.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(329.906.456)	(3.723.818.970)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(329.906.456)	(3.715.818.970)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	182.954.127	(1.119.592.543)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	10.932.989	1.130.525.532
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	193.887.116	10.932.989

Lập, ngày 27 tháng 02 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thông

Nguyễn Thị Thông

Lê Văn Cường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư BVG (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0100979011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/06/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 12/06/2017.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Thương mại và sản xuất.

Vốn điều lệ của Công ty: 97.509.480.000 đồng.

Các đơn vị thành viên của Công ty như sau:

Tên	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Địa chỉ
Công ty con			
Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt	100%	100%	Km 7, quốc lộ 18, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	98,69%	98,69%	Thôn Tô Hiệu, xã Đông Quang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Buôn bán kim loại và quặng kim loại; Buôn bán máy móc, thiết bị phụ tùng và máy khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Buôn bán ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Đại lý, môi giới, đấu giá; Sản xuất kim loại; Sản xuất khung nhà kho bằng thép; Sản xuất các kết cấu kiện thép cho xây dựng;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; Luyện bột kim loại; Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại; Sản xuất sắt, thép, gang; Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe; Sản xuất máy thông dụng khác;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp; Sản xuất động cơ, tua bin; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bốc xếp hàng hóa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Bưu chính; Chuyển phát;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí thi công lắp đặt các công trình cấp thoát nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập Báo cáo tài chính riêng năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy tính, sử dụng phần mềm kế toán MISA.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.
Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo kiểm kê thực tế tại thời điểm cuối hàng tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải, thiết bị quản lý

03 - 07 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng;

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính:

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng: Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính riêng do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Tiền mặt	19.402.480	4.438.329
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	174.484.636	6.494.660
Cộng	<u>193.887.116</u>	<u>10.932.989</u>

2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	<u>2.658.121.426</u>	<u>2.718.121.426</u>
Công ty CK và XD số 10 Thăng Long	43.332.400	43.332.400
Công ty CP SX và Xây Lắp 89	180.000.000	180.000.000
Công ty TNHH kết cấu thép Bắc Việt	291.749.996	351.749.996
Công ty CP ĐTXD Quảng Ninh	80.168.880	80.168.880
Công ty CP Đầu tư & Xây Dựng Hanel	503.504.125	503.504.125
Công ty CP xây dựng số 3 Hải Phòng	197.613.036	197.613.036
Công ty CPTM và Đầu tư PT Đông Hà	48.824.620	48.824.620
Nhà máy chế tạo thiết bị Nâng hạ	1.280.406.080	1.280.406.080
Khách lẻ	32.522.289	32.522.289



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	31.599.486.378	-	88.523.831.326	-
- Tạm ứng	4.071.868.500	-	4.125.868.500	-
Trần Anh Vương	513.400.000	-	513.400.000	-
Tạ Thu Hằng	55.000.000	-	55.000.000	-
Ngô Xuân Tùng	9.090.000	-	9.090.000	-
Ngô Xuân Thọ	75.500	-	75.500	-
Vũ Hoàng Chương	3.485.000.000	-	3.539.000.000	-
Ngô Văn Thành	9.303.000	-	9.303.000	-
- Phải thu khác	27.527.617.878	-	84.397.962.826	-
Ông Đặng Đức Dũng	120.000.000	-	120.000.000	-
Lê Thanh Tùng	5.775.000.000	-	5.775.000.000	-
Nguyễn Thị Duyên	5.250.000.000	-	5.250.000.000	-
Trần Quốc Anh	4.725.000.000	-	4.725.000.000	-
Phải thu CBCNV Cty CP Thép Bắc Việt	3.249.959	-	3.249.959	-
Công ty TNHH kết cấu thép Bắc Việt	4.591.703.919	-	6.091.703.919	-
Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt	7.062.664.000	-	15.183.008.948	-
Công ty CP Capella Việt Nam	-	-	47.250.000.000	-

4. Nợ xấu

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Nhà máy chế tạo thiết bị nâng hạ	1.280.406.080	-	1.280.406.080	-
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Hanel	503.504.125	-	503.504.125	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Quảng Ninh	80.168.880	-	80.168.880	-
Công ty CP Xây dựng số 3 Hải Phòng	197.613.036	-	197.613.036	-
Công ty CP SX và Xây lắp 89	180.000.000	-	180.000.000	-
Các đối tượng khác	132.403.594	10.602.524	132.403.594	10.602.524
Cộng	2.374.095.715	10.602.524	2.374.095.715	10.602.524

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

5. Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hóa	1.739.847.052	-	1.739.847.052	-
Cộng	<u>1.739.847.052</u>	<u>-</u>	<u>1.739.847.052</u>	<u>-</u>

6. Tài sản cố định

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2018	1.583.950.824	1.583.950.824
- Thanh lý, nhượng bán	(1.361.483.006)	(1.361.483.006)
- Giảm khác	-	-
Tại ngày 31/12/2018	<u>222.467.818</u>	<u>222.467.818</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2018	1.583.950.824	1.583.950.824
- Thanh lý, nhượng bán	(1.361.483.006)	(1.361.483.006)
- Giảm khác	-	-
Tại ngày 31/12/2018	<u>222.467.818</u>	<u>222.467.818</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2018	<u>-</u>	<u>-</u>
Tại ngày 31/12/2018	<u>-</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

7. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	66.386.505.600	46.509.030.274	66.386.505.600	52.469.920.599
Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt(i)	31.000.000.000	13.026.843.553	31.000.000.000	25.147.186.693
Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt(ii)	35.386.505.600	33.482.186.721	35.386.505.600	27.322.733.906
	TRUE			
Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết	47.300.000.000	47.300.000.000	-	-
Công ty CP Công nghệ Bắc Việt(iii)	47.300.000.000	47.300.000.000	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	6.693.843.996	6.693.843.996	10.443.843.996	10.443.843.996
Công ty CP Công nghệ Bắc Việt	-	-	3.750.000.000	3.750.000.000
Công ty CP Đầu tư & Xây Dựng Hanel(iii)	1.452.457.000	1.452.457.000	1.452.457.000	1.452.457.000
Công ty CP Thương Mại Đầu Tư và Công Nghệ Hưng Việt (iii)	2.325.600.000	2.325.600.000	2.325.600.000	2.325.600.000
Công ty TNHH MTV LIM ROYAL(iii)	2.915.786.996	2.915.786.996	2.915.786.996	2.915.786.996

- (i) Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 210400007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 22/12/2005. Công ty có 03 lần thay đổi đăng ký kinh doanh. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 03 ngày 17/12/2009 thì Vốn điều lệ của Công ty là: 31.000.000.000 VND (Ba mươi một tỷ đồng). Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, kinh doanh dịch vụ.
- (ii) Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 08121000059 ngày 12/03/2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 31/01/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Bình cấp. Công ty có hai lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 19/09/2016 thì vốn điều lệ của Công ty là: 30.000.000.000 VND (Ba mươi tỷ đồng). Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.
- (iii) Do chưa được cung cấp BCTC của các Công ty nhận vốn góp khác để xem xét trích lập dự phòng giảm giá đầu tư nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này đang được Công ty xác định bằng giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

8. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	403.636.808	403.636.808	507.282.229	507.282.229
Công ty TNHH Truyền Thông An Hòa	30.500.000	30.500.000	30.500.000	30.500.000
Công ty CP Công Nghệ Bắc Việt	-	-	133.645.421	133.645.421
Công ty CP Thép Chương Dương	49.907.692	49.907.692	49.907.692	49.907.692
Công ty TNHH Kim Khí Chương Dương	23.092.116	23.092.116	23.092.116	23.092.116
Công ty WUXI ZONHAI INTL CORPORATION LTD	270.137.000	270.137.000	270.137.000	270.137.000
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K	30.000.000	30.000.000	-	-

9. Thuế và các khoản phải thu/nộp nhà nước

	01/01/2018	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	2.617.705.993	11.985.901	2.629.691.894	-
Thuế thu nhập cá nhân	39.995.389	35.051.847	40.197.236	34.850.000
Các loại thuế khác		3.000.000	3.000.000	-
Cộng	2.657.701.382	50.037.748	2.672.889.130	34.850.000
b) Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	36.483.280	44.103.126	80.586.406	-
Cộng	36.483.280	44.103.126	80.586.406	-

10. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Lãi vay ngân hàng PG BANK - CN Thăng Long	-	17.852.259.776
Cộng	-	17.852.259.776

11. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn;	24.714.054	24.714.054
- Phải trả phải nộp khác	93.887.312	5.441.177.293
+ Công ty Cổ phần Công Nghệ Bắc Việt (*)	-	5.254.246.905
+ Cục thuế TP Hà Nội	-	93.043.076
+ Các khoản phải trả khác	93.887.312	93.887.312
Cộng	118.601.366	5.465.891.347

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

12. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2018			Trong năm			01/01/2018		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		Giảm	Tăng		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
	VND	VND		VND	VND		VND	VND	
Vay ngắn hạn									
Ngô Xuân Lộc	-	-		110.132.503	4.036.942		106.095.561	106.095.561	
	-	-		110.132.503	4.036.942		106.095.561	106.095.561	
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	60.906.271.603	60.906.271.603		1.019.975.800	419.706.987		61.506.540.416	61.506.540.416	
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Thăng Long (i)	38.897.208.616	38.897.208.616		1.019.975.800	-		39.917.184.416	39.917.184.416	
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Thăng Long (i)	22.009.062.987	22.009.062.987		-	419.706.987		21.589.356.000	21.589.356.000	
Cộng	60.906.271.603	60.906.271.603		1.130.108.303	423.743.929		61.612.635.977	61.612.635.977	

- (i) Khoản vay dài hạn ngân hàng PG là khoản vay dài hạn theo Hợp đồng hạn mức tín dụng trung dài hạn số 170.107/HĐHM/NIH-PN/PGBTL.11 ký ngày 10/05/2011, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng kế ước nhận nợ. Theo thỏa thuận điều chỉnh khoản vay ngày 06/01/2015 cấu trúc lại khoản vay, công ty bắt đầu trả gốc vay và lãi vay từ năm 2017 đến năm 2023. Lãi suất vay 7,5%/năm đối với khoản vay bằng VND. Lãi suất tối nhất cho các khoản vay bằng USD tại từng thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	97.509.480.000	30.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	97.509.480.000	97.509.480.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	97.509.480.000	97.509.480.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.750.948	9.750.948
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu phổ thông	9.750.948	9.750.948
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu phổ thông	9.750.948	9.750.948
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

14. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

	31/12/2018	01/01/2018
Ngoại tệ các loại:		
- USD	100,00	100,00

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi	493.621	1.575.239
Cổ tức, lợi nhuận được chia	57.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	47.470.000
Cộng	57.493.621	49.045.239

2. Chi phí tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	136.489.564	705.202.611
Lỗ chênh lệch tỷ giá	419.706.987	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	9.925.081.775	(3.964.191.450)
Chi phí tài chính khác	2.250.000.000	-
Cộng	12.731.278.326	(3.258.988.839)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	415.175.000	670.704.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	6.150.000	30.150.004
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	2.840.888
Thuế, phí và lệ phí	3.022.000	3.044.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	81.815.863	97.992.727
Chi phí bằng tiền khác	5.000.000	-
Cộng	511.162.863	804.731.619

4. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	VND	VND
Chi phí nhân công	-	670.704.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	2.840.888
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	131.186.731
Cộng	-	804.731.619

5. Thu nhập khác

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	890.909.091	
Lãi vay ngân hàng (i)	17.852.259.776	
Cộng	18.743.168.867	-

(i) Khoản thu nhập khác là chi phí lãi vay lũy kế của Ngân hàng PG Bank Chi nhánh Thăng Long theo Thông báo ngày 20/10/2017 của Ngân hàng PG Bank Chi nhánh Thăng Long, với điều kiện Công ty phải trả toàn bộ gốc vay PG Bank theo thông báo của ngân hàng. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, Công ty chưa tất toán hết số dư gốc vay PG Bank Chi nhánh Thăng Long.

6. Chi phí khác

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	VND	VND
Các khoản bị phạt, truy thu thuế	2.274.032.637	-
Các khoản khác.	15.985.901	1.799.461
Cộng	2.290.018.538	1.799.461

7. Lỗ và thời gian chuyển lỗ

Công ty có các khoản lỗ tính thuế có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Kế hoạch chuyển lỗ khoản lỗ lũy kế đến 31/12/2018 phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty. Khoản lỗ này (nếu không được chuyển lỗ hàng năm) sẽ đáo hạn vào các năm sau và chưa được cơ quan thuế kiểm tra quyết toán thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.268.202.761	2.501.502.998
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.750.948	9.750.948
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	335	256

9. Công cụ tài chính

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay) trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Các khoản vay	60.906.271.603	61.612.635.977
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(193.887.116)	(10.932.989)
Nợ thuần	60.712.384.487	61.601.702.988
Vốn chủ sở hữu	73.610.922.834	70.386.823.199
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	82%	88%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.1.

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính dài hạn. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	193.887.116	10.932.989	193.887.116	10.932.989
Phải thu khách hàng và phải thu khác	31.894.114.613	88.878.459.561	31.894.114.613	88.878.459.561
Đầu tư tài chính dài hạn	100.502.874.270	66.877.956.045	100.502.874.270	66.877.956.045
Tổng cộng	132.590.875.999	155.767.348.595	132.590.875.999	155.767.348.595
Công nợ tài chính				
Các khoản nợ thuê tài chính	-	-	-	-
Các khoản vay	60.906.271.603	61.612.635.977	60.906.271.603	61.612.635.977
Phải trả người bán và phải trả khác	522.238.174	5.973.173.576	522.238.174	5.973.173.576
Chi phí phải trả	-	17.852.259.776	-	17.852.259.776
Tổng cộng	61.428.509.777	85.438.069.329	61.428.509.777	85.438.069.329

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/TT-BTC ngày 6/11/2009 (“Thông tư 210”) của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính riêng quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính riêng và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính riêng quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa để phục vụ hoạt động kinh doanh, nên Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng việc theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định định mức tồn kho hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu từ khách hàng và từ hoạt động tài chính, như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2018			
Tiền và các khoản tương đương tiền	193.887.116	-	193.887.116
Phải thu khách hàng và phải thu khác	31.894.114.613	-	31.894.114.613
Đầu tư tài chính dài hạn	-	100.502.874.270	100.502.874.270
Tổng cộng	32.088.001.729	100.502.874.270	132.590.875.999
Tại ngày 31/12/2018			
Các khoản vay	-	60.906.271.603	60.906.271.603
Phải trả người bán và phải trả khác	522.238.174	-	522.238.174
Chi phí phải trả	-	-	-
Tổng cộng	522.238.174	60.906.271.603	61.428.509.777
Chênh lệch thanh khoản thuần	31.565.763.555	39.596.602.667	71.162.366.222
Tại ngày 01/01/2018			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.932.989	-	10.932.989
Phải thu khách hàng và phải thu khác	88.878.459.561	-	88.878.459.561
Tổng cộng	88.889.392.550	66.877.956.045	155.767.348.595
Tại ngày 01/01/2018			
Các khoản vay	106.095.561	61.506.540.416	61.612.635.977
Phải trả người bán và phải trả khác	5.973.173.576	-	5.973.173.576
Chi phí phải trả	17.852.259.776	-	17.852.259.776
Tổng cộng	23.931.528.913	61.506.540.416	85.438.069.329
Chênh lệch thanh khoản thuần	64.957.863.637	5.371.415.629	70.329.279.266

Mức độ rủi ro thanh khoản thấp. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty vẫn đảm bảo được tình hình tài chính và tiếp tục duy trì khả năng thanh khoản trong các năm tiếp theo.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt
Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt
Ông Trần Anh Vương
Ông Vũ Hoàng Chương

Mối quan hệ

Công ty con
Công ty con
Chủ tịch HĐQT
Thành viên HĐQT, TGD

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Các khoản phải thu	291.749.996	351.749.996
Công ty Kết cấu thép Bắc Việt	291.749.996	351.749.996
Các khoản phải thu khác	15.652.767.919	25.327.112.867
Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	7.062.664.000	15.183.008.948
Công ty Kết cấu thép Bắc Việt	4.591.703.919	6.091.703.919
Trần Anh Vương	513.400.000	513.400.000
Vũ Hoàng Chương	3.485.000.000	3.539.000.000

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lương	138.500.000	388.181.000
Cộng	138.500.000	388.181.000

2. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K - Chi nhánh Miền Bắc kiểm toán.

Lập, ngày 27 tháng 02 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Thông

Nguyễn Thị Thông

Lê Văn Cường